**Bài 49: LUYỆN TẬP CHUNG (3 TIẾT)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

[- Đọc, viết được các số](https://blogtailieu.com/) trong phạm vi 10 000.

[- Nhận biết được số trò](https://blogtailieu.com/)n nghìn; [nhận biết được cấu tạ](https://blogtailieu.com/)o thập phân của một số.

[- Biết làm tròn sổ đến h](https://blogtailieu.com/)àng chục, hàng trăm.

[- Nhận biết được cách](https://blogtailieu.com/) so sánh hai sổ trong phạm vi 10 000.

[- Xác định được số lớn](https://blogtailieu.com/) nhát hoặc bé nhất trong một nhóm [có không quá 4 số (trong](https://blogtailieu.com/) [phạm vi 10000).](https://blogtailieu.com/)

[- Thực hiện được việc](https://blogtailieu.com/) sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến [lớn hoặc ngược lại trong](https://blogtailieu.com/) [một nhóm có không](https://blogtailieu.com/) quá 4 sổ (trong phạm vi 10 000).

-  [Nhận biết được chữ s](https://blogtailieu.com/)ố La Mã và viết được các số tự nhiê[n trong phạm vi 20 bằng](https://blogtailieu.com/) [cách sử dụng chữ số L](https://blogtailieu.com/)a Mã.

-  [Xác định được số lớn](https://blogtailieu.com/) nhát hoặc bé nhất trong một nhóm [có không quá 4 số (trong](https://blogtailieu.com/) [phạm vi 10000).](https://blogtailieu.com/)

**2. Năng lực**

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

-Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. GV:** Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

**2. HS:** SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **TUẦN 20 - TIẾT 1: LUYỆN TẬP CHUNG**  *Thứ năm, 25/01/2024* | |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động: (3p)**  - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Khi làm tròn số đến hàng chục ta làm như thế nào?  + Câu 2: : Khi làm tròn số đến hàng trăm ta làm như thế nào?  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời:  + Trả lời  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập: (30p)**  **Bài 1. (Làm việc cá nhân) Cách đọc, viết các số trong phạm vi 10 000.**  **-** GV hướng dẫn cho HS bài mẫu.  - Học sinh vết các số tiếp theo vào bảng con.    **-** GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 2: (Làm việc nhóm 2) Số?**  - GV chia nhóm 2, các nhóm làm việc vào phiếu học tập nhóm.  - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.    - GV Nhận xét, tuyên dương.  **Bài 3a: (Làm việc cả lớp) Chọn câu trả lời đúng**  - GV cho HS chọn và viết đáp án đúng vào BC.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 4. (Làm việc nhóm 4)**  - GV gọi 1 HS đọc bài toán  - GV hướng dẫn các nhóm làm việc vào phiếu học tập nhóm.  - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  **Bài 5a. (Làm việc cá nhân)**  - GV cho HS đọc bài toán.  - GV hướng dẫn HS quan sat hình vẽ, đọc các số, tìm hai số đánh dấu trên sách bị thiếu trong dãy số từ I đến VIII  - GV nhận xét, tuyên dương | - 1 HS nêu cách viết số (3 992) đọc số (Ba nghìn chín trăm chín mươi hai).  - HS lần lượt làm bảng con viết số, đọc số:  + Viết lần lượt các số: 10 000; 8504; 7006;  - HS làm việc theo nhóm.  Điền số còn thiếu theo thứ tự trên tia số. Các số cần điền là:  a) 3 499; 3 501  b) 9 993; 9 996; 10 000  - Các nhóm trình bày kết quả và nhận xét lẫn nhhau  - Lắng nghe.  - HS viết đáp án đúng cho mỗi câu vào BC. Đáp án lần lượt là:  a) D. 6 b) B. 2 850  - 1 HS đọc to, cả lớp đọc thầm  - Các nhóm thảo luận, điền kq vào phiều. Đại diện nhóm trình bày. Đáp án lần lượt là:  a) Bạn nhận được số điểm cao nhất là: ***Việt***  b) Những bạn nhận được nhiều hơn 2000 điểm là: ***Việt, Mai***  c) Những bạn nhận được ít hơn 2000 điểm là: ***Rô-bốt, Nam***  ­­  - HS đọc bài toán  - HS quan sát hình vẽ,đọc các số có trong hình, tìm và nêu được số đánh dấu của hai quyển sách mà bố của Mai đã lấy ra đọc.  ***Đáp án***: đó là 2 cuốn được đánh số: III v VI |
| **3. Vận dụng. (2p)**  **-** GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh được củng cố về cách đọc, viết số tự nhiên và số La Mã  - Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + HS tham gia TC |
| **TUẦN 20 - TIẾT 2: LUYỆN TẬP CHUNG**  *Thứ sáu, 26/01/2024* | |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động: (3p)**  - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + GV cho HS thi viết các số La Mã vào BC  + Tìm số lớn nhất, số bé nhhaats trong các số (GV dùng BP viết các số)  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + HS viết các số GV đọc vào bảng con  + HS viết vào BC  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập: (30p)**  **Bài 1. (Làm việc cá nhân)**  *a) Số?*  - GV cho HS làm bài tập vào vở.  - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.  **D:\DU LIEU O D\Tổng hơp\Văn bản chỉ đạo chuyên môn\NĂM HỌC 2021 - 2022\GIÁO ÁN\Môn Toán KNTT\Ảnh Bài 49-Toán\IMG_0399.jpg**  **-** GV nhận xét, tuyên dương.  *b) Làm tròn các số 4 128; 5 062; 6 704; 7 053 đến hàng trăm*  - GV cho HS nêu cách làm tròn đến hàng trăm  **-** GV cho HS làm bài vào vở, nêu kq  - GV nhận xét, tuyên dương  **Bài 2: (Làm việc cả lớp) Chọn câu trả lời đúng**  - GV cho HS tìm và viết đáp án vào BC:  a) Số lớn nhất  b) Số bé nhất  - GV Nhận xét, tuyên dương.  **Bài 3: (Làm việc cả lớp)**  - GV cho HS đọc y/c bài tập: Mỗi bình ghi một rong các số từ XII đến XV. Hỏi bình bị vỡ ghi số nào?  - Cho HS đọc các số La Mã.  - GV cho HS viết số trên bình bị vỡ vào BC  - GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 4. (Làm việc nhóm 4)**  - GV gọi 1 HS đọc bài toán  - GV hướng dẫn các nhóm làm việc vào phiếu học tập nhóm.  - Các nhóm trình bày kết quả, nhận xét lẫn nhau.  - GV Nhận xét, tuyên dương | - HS làm vào vở, nêu kq.  + 4 128: 4 nghìn, 1 trăm, 2 chục, 8 đơn vị.  + 5 062: 5 nghìn, 0 trăm, 6 chục, 2 đơn vị.  + 6 704: 6 nghìn, 7 trăm, 0 chục, 4 đơn vị.  + 7 053: 7 nghìn, 0 trăm, 5 chục, 3 đơn vị.  - HS nhắc lại cách làm tròn đến hàng trăm  - HS nêu kết quả:  4 100; 5 100; 6 700; 7 100  - HS viết vào BC.  a) B. 6 783  b) C. 3 687  - 1 em đọc to, cả lớp đọc thầm  - Lần lượt đọc các số từ XII đến XV  - HS viết đáp án vào BC: số XIV  - 1 HS đọc to, cả lớp đọc thầm  - Các nhóm thảo luận, điền kq vào phiều. Đại diện nhóm trình bày. Đáp án:  + Voi nặng 6 125kg  + Tê giác trắng nặng 2 287kg  + Hươu cao cổ nặng 1 687kg |
| **3. Vận dụng. (2p)**  **-** GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa,...sau bài học để học sinh được củng cố về cách đọc, viết số tự nhiên và số La Mã  - Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + HS tham gia TC |
| **TUẦN 21 - TIẾT 3: LUYỆN TẬP CHUNG**  *Thứ hai, 29/01/2024* | |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:(2p)**  - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + GV cho HS thi tìm nhanh số lớn nhất, số bé nhất trong các dãy số cho trước  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + HS viết vào bảng con  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập: (30p)**  **Bài 1. (Làm việc cá nhân)** ***Số?***  - GV cho HS làm bài tập vào vở.  - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.  **D:\DU LIEU O D\Tổng hơp\Văn bản chỉ đạo chuyên môn\NĂM HỌC 2021 - 2022\GIÁO ÁN\Môn Toán KNTT\Ảnh Bài 49-Toán\IMG_0400.jpg**  **-** GV nhận xét, tuyên dương.  Củng cố kĩ năng biếu diễn [một số thông qua cấu tạo](https://blogtailieu.com/) thập phân của số đó  **Bài 2: (Làm việc nhóm 2)**  - GV cho HS đọc y/c bài tập: Mai có các thẻ số từ 0 đến 9. Mai có thể đặt thẻ số nào vị trí dấu “?” để được phép so sánh đúng?  D:\DU LIEU O D\Tổng hơp\Văn bản chỉ đạo chuyên môn\NĂM HỌC 2021 - 2022\GIÁO ÁN\Môn Toán KNTT\Ảnh Bài 49-Toán\IMG_0401.jpg  - GV Nhận xét, tuyên dương.  Củng cổ kĩ năng so sánh các [số trong phạm vi 10000.](https://blogtailieu.com/)  **Bài 3: (Làm việc cá nhân)**  - GV cho HS đọc y/c bài tập  - Cho HS nhắc lại cách làm tròn số đến hàng trăm.  - GV cho HS chọn đáp án và nêu  - GV nhận xét, tuyên dương.  Củng có kĩ năng làm tròn số đến hàng trăm  **Trò chơi: Về nhà đón Tết (Làm việc nhóm 4)**  - GV phổ biến cách chơi và luật chơi  D:\DU LIEU O D\Tổng hơp\Văn bản chỉ đạo chuyên môn\NĂM HỌC 2021 - 2022\GIÁO ÁN\Môn Toán KNTT\Ảnh Bài 49-Toán\IMG_0402.jpg  - GV hướng dẫn các nhóm chơi theo hướng dẫn  - GV theo dõi, hỗ trợ các nhóm  - GV Nhận xét, tuyên dương  Cùng cổ kĩ nă[ng so sánh các sổ có bổn](https://blogtailieu.com/) chữ số. | - HS làm vào vở, nêu kq.  + 6 409 = 6 000 + 400 + 9  + 6 410 = 6 000 + 400 + 10  + 6 411 = 6 000 + 400 + 10 + 1  + 6 412 = 6 000 + 400 + 10 + 2  - HS đọc y/c bài toán.  - Đại diện một số nhóm nêu đáp án:  Mai có thể đặt thẻ số 8 hoặc số 9 vào vị trí dấu “?”. Vì:  5801 > 5799 hoặc 5901 > 5799  - 1 em đọc to, cả lớp đọc thầm  - HS nhắc lại cách làm tròn số đến hàng trăm  - HS chọn đáp án và nêu:  *Trường học của Rô-bốt có khoảng;*   1. *2000 học sinh*   - HS lắng nghe  - HS thực hiện trò chơi theo nhóm |
| **3. Vận dụng: (2p)**  **-** GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức hái hoa,...sau bài học để học sinh được củng cố về cách biểu diễn một số qua cấu tạo thập phân của số đó; cách làm tròn số đến hàng trăm;...  - Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + HS tham gia TC |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (Nếu có)**

**LUYỆN TOÁN:** ÔN LUYỆN

Thứ hai, ngày 29/01/2024

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:** Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:

- Biết tính chu vi hình tam giác, hình tứ giác

­­ - Biết đọc, viết số đo diện tích theo đơn vị đo.

**2. Năng lực:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế. Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ. Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập. Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. GV:** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

**2. HS:** Vở bài tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (3p)**  - GV tổ chức cho Hs hát  - GV dẫn dắt vào bài mới  - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:  [+ HS tính được chu vi hìn](https://blogtailieu.com/)h tam giác, hình tứ giác.  [+ Giải quyết được một](https://blogtailieu.com/) số vấn đề thực tiễn liên quan đến đ[o lường.](https://blogtailieu.com/) | - HS thực hiện  - HS lắng nghe |
| **2. Luyện tập, thực hành (30p)**  **Hoạt động 1:** GV giao BT cho HS làm bài.  - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 18, 19 Vở Bài tập Toán.  - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3/ 18, 19 Vở Bài tập Toán.  - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.  - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.  - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  - Hs làm bài  - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |
| **Hoạt động 2:** Chữa bài:  - GV gọi HS chữa lần lượt các bài:  **\* Bài 1: Tính chu vi hình tam giác có độ dài cạnh là: (VBT/18)**  - Cho HS đọc câu a, b, c  *+ Nêu cách tính chu vi hình tam giác?*  - GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời  - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.  *Gv chốt cách tính chu vi hình tam giác* | - Học sinh trả lời: Tính chu vi hình tam giác ta tính tổng độ dài các cạnh.  - HS nối tiếp trả lời  + a. 21 cm  + b. 65 dm  + c. 27 dm  - Học sinh nhận xét |
| **\* Bài 2: Tính chu vi hình tứ giác có độ dài các cạnh là 20 dm, 30 dm, 20 dm và 30 dm. (VBT/18)**  - GV hỏi:  *+ Bài toán cho biết gì? Hỏi gì?*  *+ Muốn tính chu vi hình tứ giác ta làm thế nào?*  - GV gợi ý để HS tìm cách tính đúng  - Cho học sinh nhận xét  - GV nhận xét, khen học sinh nhanh – đúng và chốt đáp án.  *Gv Củng cố cách tính chu vi hình tứ giác.* | - HS lắng nghe câu hỏi.  - HS trả lời.  - Học sinh làm bài, trình bày bài trước lớp.  Bài giải:  Chu vi hình tứ giác là:  20 + 30 + 20 + 30 = 100 (dm)  Đáp số: 100 dm  - HS nhận xét  - HS lắng nghe, quan sát |
| **\* Bài 3: Khoanh vào trước câu trả lời đúng (VBT/19)**  - GV cho HS đọc bài toán, TLCH:  *+ Quan sát tranh em thấy gì?*  *+ Muốn khoanh được đáp án em làm thế nào?*  - GV y/c HS tự trình bày bài làm vào vở, nêu đáp án  - GV nhận xét, tuyên dương.  *Gv Củng cố cách vận dụng cách tính chu vi hình tam giác, chu vi hình tứ giác vào thực tế* | HS đọc bài toán  + 2 hình tam giác và tứ giác  + Phải tính được chu vi các hình.  a. Đáp án C. 42 cm  b. Đáp án B. 85 cm  - HS làm bài vào vở |
| **\*. Bài 4 Tô màu đỏ vào hình có chu vi lớn nhất, màu xanh vào hình có chu vi bé nhất. (VBT/19)**  - GV cho HS đọc bài toán, TLCH:  *+ Trong tranh có mấy hình? Là những hình nào?*  *+ Muốn tô màu em làm thế nào?*  - GV y/c HS tự trình bày bài làm vào vở, nêu đáp án.  *Gv đưa ra ý kiến nhận xét.* | HS đọc bài toán  + Trong tranh có 3 hình, gồm 1 hình tam giác và 2 hình tứ giác.  + Phải tính được chu vi các hình.  - Học sinh tính và thực hiện tô màu. |
| **3. Vận dụng: (2p)**  - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức tìm hình trong tranh, để củng cố về cách tính chu vi hình tam giác và hình tứ giác.  - Nhận xét, tuyên dương  - GV nhận xét giờ học.  - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + HS tham gia TC - HS nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (Nếu có)**

**CHỦ ĐỀ 9: CHU VI, DIỆN TÍCH MỘT SỐ HÌNH PHẲNG**

**Bài 50: CHU VI HÌNH TAM GIÁC, HÌNH TỨ GIÁC,**

**HÌNH CHỮ NHẬT, HÌNH VUÔNG (3 Tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

[- HS tính được chu vi hìn](https://blogtailieu.com/)h tam giác, hình tứ giác khi biết độ dài các cạnh. HS tính được chu vi hình chữ [nhật, hình vuông.](https://blogtailieu.com/)

[- Giải quyết được một](https://blogtailieu.com/) số vấn đề thực tiễn liên quan đến đ[o lường.](https://blogtailieu.com/)

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực:**

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. GV:** Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

**2. HS:** SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bài 50: CHU VI HÌNH TAM GIÁC, HÌNH TỨ GIÁC, HÌNH CHỮ NHẬT, HÌNH VUÔNG (Tiết 1)**  ***Thứ ba, ngày 30/01/2024*** | | |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động: (3p)**  - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: GV cho HS thi tìm nhanh số lớn nhất, số bé nhất trong các dãy số cho trước  + Câu 2: Muốn làm tròn số đến hàng chục (hàng trăm) ta làm như thế nào?  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + HS viết vào bảng con  - HS trả lời. |
| **2. Khám phá: (15p)**  **\* Hoạt động 1(làm việc cả lớp):** [**Hình thành biểu tượn**](https://blogtailieu.com/)**g chu vi hình tam giác thông qua hì**[**nh ảnh trực quan và cách**](https://blogtailieu.com/)[**tính chu vi hình tam g**](https://blogtailieu.com/)**iác**  **-** GV dùng sợi dây đã chuẩn bị uốn thành một hình tam giác.  H: Hình cô vừa uốn có dạng hình gì?  - GV giới thiệu: Độ dài sợi dây chính là chu vi của hình tam giác.  H: Nếu sợi dây dài 10cm thì chu vi của hình tam giác bằng bao nhiêu?  - GV nhận xét, khắc sâu  - GV vẽ lên bảng hình tam giác ABC có độ dài các cạnh là 2cm, 3cm, 4cm. Yêu cầu HS tính tổng độ dài các cạnh của hình tam giác đó  - GV nhận xét, kết luận: Chu vi của hình tam giác là 9cm  - [GV nhấn mạnh:](https://blogtailieu.com/) “Chu vi của hình tam giác bằng tổng độ dài các cạnh của [hình tam giác đó”.](https://blogtailieu.com/)  **\* Hoạt động 2 (Làm việc cá nhân):**  **Hình thành cách** [**tính chu vi hình tứ g**](https://blogtailieu.com/)**iác**  - GV vẽ lên bảng hình tứ giác MNPQ có độ dài các cạnh là 2cm, 3cm, 4cm, 5cm  - GV yêu cầu HS tính tổng độ dài các cạnh của hình tứ giác đó  - Gọi HS trình bày  - GV nhận xét, kết luận: Chu vi của hình tứ giác MNPQ là 14cm  - GV nhận mạnh: “Chu vi của hình tứ giác bằng tổng độ dài các cạnh của hình tứ giác đó”  -  [GV chốt kiến thức: T](https://blogtailieu.com/)ổng độ dài các cạnh của hình tam gi[ác, hình tứ giác là chu vi](https://blogtailieu.com/) [của hình đó.](https://blogtailieu.com/)  **3. Luyện tập, thực hành: (15p)**  **Bài 1. (Làm việc cá nhân)**  - GV gọi HS đọc y/c bài tập: Tính chu vi hình tam giác có độ dài các cạnh lần lượt là:  a) 7cm, 10cm, 14cm  - GV hướng dẫn HS phân tích bài mẫu ở câu a  - GV nhắc HS cần chú ý: độ dài các cạnh phải cùng đơn vị đo  - GV cho HS làm bài tập vào vở câu b, c.  - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.  **-** GV nhận xét, tuyên dương.  Củng cố cách tính chu vi hình tam giác  **Bài 2: (Làm việc cá nhân)**  - GV gọi HS đọc y/c bài tập: Tính chu vi hình tứ giác có độ dài các cạnh lần lượt là:  a) 3dm, 4dm, 5dm và 6dm  b) 10cm, 15cm, 10cm và 15cm  - GV hướng dẫn HS vận dụng cách tính chu vi của hình chữ nhật vừa học để làm bài  - GV nhắc HS cần chú ý: độ dài các cạnh phải cùng đơn vị đo  - GV cho HS làm bài tập vào vở  - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét lẫn nhau.  **-** GV nhận xét, tuyên dương.  Củng cố cách tính chu vi hình tứ giác  **Bài 3: (Làm việc nhóm 2)**  - GV cho HS đọc y/c bài tập  - Cho HS quan sát hình vẽ và nhận diện: con thuyền có dạng hình gì?  D:\DU LIEU O D\Tổng hơp\Văn bản chỉ đạo chuyên môn\NĂM HỌC 2021 - 2022\GIÁO ÁN\Môn Toán KNTT\ảnh B50- T1.jpg  - GV cho HS đọc độ dài các cạnh của thuyền  - GV gợi ý: chiều dài dây đèn nháy chính bằng chu vi hình tứ giác  H: Vậy muốn tính chiều dài dây đèn nháy chúng ta vận dụng cách tính chu vi hình gì?  - GV y/c HS làm bài vào vở và trình bày  - GV nhận xét, tuyên dương.  Củng cố vận dụng cách tính chu vi hình tứ giác  Vào thực tế | - HS quan sát  - HS trả lời: Có dạng hình tam giác.  - HS lắng nghe  - HS trả lời: Nếu sợi dây dài 10cm thì chu vi của hình tam giác cũng bằng 10cm (vì độ dài sợi dây chính là chu vi hình tam giác)  - HS quan sát hình vẽ, đọc số đo các cạnh và thực hành, trình bày:  Tổng độ dài các cạnh của hình tam giác ABC là: 2 + 3 + 4 = 9 (cm)  - HS nhắc lại  - HS quan sát, đọc độ dài các cạnh của hình tứ giác  - HS tính và trình bày:  Tổng độ dài các cạnh của hình tứ giác MNPQ là:  2 + 3 + 4 + 5 = 14 (cm)  - HS nhắc lại  - HS nhắc lại  - HS đọc y/c bài toán.  - HS theo dõi, trình bày lại cách tính:  Bài giải:  Chu vi hình tam giác là:  7 + 10 + 14 = 31 (cm)  Đáp số: 31cm  - HS làm vào vở, trình bày kq  - Cả lớp nhận xét, bổ sung  - HS đọc y/c bài toán.  - HS làm bài, trình bày cách tính:  Bài giải:  a) Chu vi hình tứ giác là:  3 + 4 + 5+ 6 = 18 (dm)  b) Chu vi hình tứ giác là:  10 + 15 + 10+ 15 = 50 (cm)  Đáp số: a) 18dm; b) 50cm  - Cả lớp nhận xét, bổ sung  - HS đọc yêu cầu  - HS quan sát hình vẽ và trả lời: Con thuyền có dạng hình tứ giác  - HS đọc lần lượt độ dài các cạnh của thuyền: 60cm, 25cm, 40cm, 25cm  - HS quan sát và lắng nghe  - Vận dụng cách tính chu vi hình tứ giác  - HS thảo luận và làm vào vở  Bài giải:  Chiều dài sợi dây đèn nháy là:  60 + 25 + 40 + 25 = 150 (cm)  Đáp số: 150cm |
| **4. Vận dụng(2p)**  **-** GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức hái hoa,... sau bài học để học sinh được củng cố về cách tính chu vi hình tam giác, hình tứ giác  - Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + HS tham gia TC |

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài 50: CHU VI HÌNH TAM GIÁC, HÌNH TỨ GIÁC, HÌNH CHỮ NHẬT, HÌNH VUÔNG (Tiết 2)**  ***Thứ tư, ngày 31/01/2024*** | |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động: (3p)**  - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Muốn tính chu vi của hình tam giác, tứ giác ta làm thế nào?  + Câu 2: Tính chu vi của hình tam giác có độ dài các cạnh lần lượt là: 4cm, 6cm, 7cm  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới.  **2. Khám phá: (15p)**  **\* Hoạt động 1(làm việc cả lớp):**  [**Hình thành biểu tượn**](https://blogtailieu.com/)**g chu vi hình chữ nhật thông qua hì**[**nh ảnh trực quan và cách**](https://blogtailieu.com/) **tính chu vi hình chữ nhật**  **-** GV dùng sợi dây đã chuẩn bị chăng quanh các cạnh của đồ vật hình chữ nhật. Cho HS quan sát, nhận dạng đồ vật và nêu được mối quan hệ giữa chiều dài sợi dây và chu vi của hình chữ nhật  - GV giới thiệu: Chu vi hình chữ nhật bằng tổng độ dài các cạnh của hình chữ nhật.  - GV vẽ lên bảng hình chữ nhật ABCD có chiều dài 5cm, chiều rộng 3cm. Yêu cầu HS tính chu vi của hình chữ nhật đó (dựa theo cách tính chu vi hình tứ giác)  - GV gợi ý: vì hình chữ nhật có 2 cạnh dài bằng nhau, 2 cạnh ngắn bằng nhau nên ta có thể tính chu vi hình chữ nhật bằng cách nào khác?  H: Vậy theo cách thứ hai thì muốn tính chu vi hình chữ nhật ta làm thế nào?  - GV khắc sâu về cách tính chu vi hình chữ nhật  **\* Hoạt động 2 (Làm việc cá nhân):**  **Hình thành cách tính chu vi hình vuông**  - GV vẽ lên bảng hình vuông MNPQ có độ dài các cạnh đều là 5cm  - Yêu cầu HS tính chu vi của hình vuông đó (dựa theo cách tính chu vi hình tứ giác)  - GV gợi ý HS chuyển phép cộng các số hạng bằng nhau thành phép nhân  H: Vậy theo cách thứ hai thì muốn tính chu vi hình vuông ta làm thế nào?  - GV khắc sâu về cách tính chu vi hình vuông  **3. Luyện tập, thực hành: (15p)**  **Bài 1. (Làm việc theo nhóm) Số?**  - GV gọi HS đọc y/c bài tập:  - GV hướng dẫn HS vận dụng cách tính chu vi hình vuông để tính và viết số vào bảng  D:\DU LIEU O D\Tổng hơp\Văn bản chỉ đạo chuyên môn\NĂM HỌC 2021 - 2022\GIÁO ÁN\Môn Toán KNTT\ảnh B50-T2\IMG_0419.jpg  - GV cho HS làm bài tập vào phiếu, trình bày  **-** GV nhận xét, tuyên dương.  Củng cố cách tính chu vi hình vuông  **Bài 2: (Làm việc cá nhân)**  - GV gọi HS đọc y/c bài tập: Tính chu vi hình chữ nhật có:  a) chiều dài 6cm, chiều rộng 4cm  - GV hướng dẫn HS phân tích bài mẫu a  - GV y/c HS làm câu b,c vào vở, trình bày  b) Chiều dài 8m, chiều rộng 2m  c) Chiều dài 15dm, chiều rộng 10dm  **-** GV nhận xét, tuyên dương.  Củng cố cách tính chu vi hình chữ nhật  **Bài 3: (Làm việc nhóm 2)**  - GV cho HS đọc y/c bài tập  - Cho HS quan sát hình vẽ, GV nêu câu hỏi gợi ý  D:\DU LIEU O D\Tổng hơp\Văn bản chỉ đạo chuyên môn\NĂM HỌC 2021 - 2022\GIÁO ÁN\Môn Toán KNTT\ảnh B50-T2\IMG_0420.jpg  + Đề bài cho biết gì?  [+ Để bài yêu cầu tính](https://blogtailieu.com/) gì?  [+ Làm sao để xác định](https://blogtailieu.com/) được Nam cán bao nhiêu que tính?(gợi ý HS đếm số que tính mỗi cạnh trong hình vẽ)  - GV nhận xét, tuyên dương.  Củng cố cách vận dụng cách tính chu vi hình vuông **v**ào thực tế  **4. Vận dụng (2p)**  **-** GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức hái hoa,...sau bài học để học sinh được củng cố về cách tính chu vi hình chữ nhật, hình vuông  - Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia trò chơi  + Muốn tính chu vi hình tam giác, tứ giác ta tính tổng độ dài các cạnh của hình đó  - HS trả lời nhanh:  4 + 6 + 7 = 17 (cm)  - HS quan sát, nhận dạng đồ vật có hình chữ nhật.Nói được độ dài sợi dây chính là chu vi của hình chữ nhật  - HS lắng nghe  - HS quan sát và tính:  Chu vi hình chữ nhật ABCD là:  5 + 3 + 5 + 3 = 16 (cm)  - HS suy nghĩ và nêu cách tính khác:  (5 + 3) x 2 = 16 (cm)  - HS trả lời: *Muốn tính chu vi hình chữ nhật ta lấy chiều dài cộng với chiều rộng (cùng đơn vị đo) rồi nhân với 2*  - HS quan sát và tính chu vi hình vuông:  5 + 5 + 5 + 5 = 20 (cm)  - HS nêu: 5 x 4 = 20 (cm)  - HS trả lời: Muốn tính chu vi hình vuông ta lấy độ dài một cạnh nhân với 4  - Hs nêu y/c  - HS nhắc lại cách tính chu vi hình vuông  - HS thảo luận, ghi kết quả vào bảng và đại diện nhóm trình bày  KQ lần lượt là: 32cm; 28cm; 40cm  - HS nêu y/c  - HS đọc và phân tích bài mẫu Bài giải:  Chu vi hình chữ nhật là:  (6 + 4) x 2 = 20 (cm)  Đáp số: 24cm  - HS làm bài vào vở, trình bày  KQ: b) (8 + 2) x 2 = 20 (m)  c) (15 + 10) x 2 = 50 (dm)  - Cả lớp nhận xét, bổ sung  - HS đọc y/c bài toán.  - Cả lớp nhận xét, bổ sung  + [N](https://blogtailieu.com/)am đang xép hình vuông và Nam s[ử dụng 3 que tính đê’ xếp](https://blogtailieu.com/) [thành một cạnh hình](https://blogtailieu.com/) vuông.  + Nam cẩn dùng bao nhiêu que tính?.  + Nhìn vào hình vẽ ta thấy mỗi cạnh có 3 que tính, hình vuông có 4 cạnh, nên Nam cần số que tính là: 3 x 4 = 12 (que tính)  - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + HS tham gia TC |

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài 50: CHU VI HÌNH TAM GIÁC, HÌNH TỨ GIÁC, HÌNH CHỮ NHẬT, HÌNH VUÔNG (Tiết 3)**  ***Thứ năm, ngày 01/02/2024*** | |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động: (3p)**  - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học, chuẩn bị các thăm có các câu hỏi sau:.  + Câu 1: Muốn tính chu vi của hình tam giác, tứ giác ta làm thế nào?  + Câu 2: Muốn tính chu vi hình chữ nhật, hình vuông ta làm thế nào?  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + HS nêu cách tính CV hình tam giác, tứ giác  - HS nêu cách tính chu vi hình chữ nhật, hình vuông |
| **2. Luyện tập, thực hành (30p)**  **Bài 1. (Làm việc theo nhóm): Chọn chu vi của mỗi hình**  - GV gọi HS đọc y/c bài tập:  - GV hướng dẫn HS tính chu vi của mỗi hình, sau đó chọn ngôi nhà ghi chu vi của hình đó  D:\DU LIEU O D\Tổng hơp\Văn bản chỉ đạo chuyên môn\NĂM HỌC 2021 - 2022\GIÁO ÁN\Môn Toán KNTT\ảnh B50-T2\ảnh B50 - T3.jpg  - GV cho HS làm bài tập vào phiếu, trình bày  **-** GV nhận xét, tuyên dương.  Củng cố cách tính chu vi hình chữ nhật, hình vuông  **Bài 2: (Làm việc cả lớp)**  - GV gọi HS đọc y/c lời thoại và yêu cầu bài tập  - GV nêu câu hỏi gợi ý để HS phân tích tình huống:  + Mặt bàn có hình dạng gì?  + Nam đo mặt bàn có số đo chiều dài, chiều rộng là bao nhiêu?  + Mai đưa ra câu hỏi gì?  + Việt đưa ra cách làm như thế nào?  + Cách làm của Việt đúng hay sai? Vì sao?  - GV nhắc HS cần chú ý đơn vị đo của chiều dài, chiều rộng trước khi tính chu vi  - GV gợi ý để HS tìm cách tính đúng  + GV y/c HS đọc số đo CD, CR của HCN  H: Em có nhận xét gì về đơn vị đo của CD, CRmặt bàn?  H: Vậy muốn tính chu vi mặt bàn trước hết ta phải làm gì?  - GV y/c HS tính chu vi mặt bàn  **-** GV nhận xét, tuyên dương.  Củng cố cách tính chu vi hình chữ nhật, chú ý đơn vị đo trước khi tính  **Bài 3: (Làm việc cá nhân)**  - GV cho HS đọc bài toán, TLCH:  + Vườn rau có chiều dài, chiều rộng bao nhiêu?  + Cổng vào bao nhiêu?  + Chiều dài hàng rào có mối quan hệ như thế nào với chu vi của vườn rau (nếu không có cổng vào)?  + Nếu không có cổng vào ta tính chiều dài hàng rào dựa vào đâu?  + Tính chiều dài của hàng rào cần tính ta làm thế nào?  - GV y/c HS tự trình bày bài làm vào vở  - GV nhận xét, tuyên dương.  Củng cố cách vận dụng cách tính chu vi hình chữ nhật **v**ào thực tế | - HS nêu y/c  - HS làm việc theo nhóm  + Tính chu vi của mỗi hình  + Chọn ngôi nhà có ghi chu vi của hình đó  - Trình bày kết quả:  [*+ Hình chữ nhật màu*](https://blogtailieu.com/) *hóng tìm đến ngôi nhà ghi chu vi 26* [*cm;*](https://blogtailieu.com/)  [*+ Hình vuông màu và*](https://blogtailieu.com/)*ng tim đến ngôi nhà ghi chu vi 28 cm;*  [*+ Hình chữ nhật màu*](https://blogtailieu.com/) *xanh tìm đến ngôi nhà ghi chu vi 30* [*cm*](https://blogtailieu.com/)*.*  - HS đọc lời thoại và nêu y/c  - HS lắng nghe, TLCH:  + Mặt bàn hình chữ nhật  + Nam đo được chiều dài 1m, chiều rộng 40cm  + Tính chu vi của mặt bàn  + Việt tính:  (40 + 1) x 2 = 80 (cm)  + Việt tính theo công thức tính chu vi hình chữ nhật, nhưng Việt chưa chú ý đến đơn vị đo của chiều dài, chiều rộng mặt bàn nên kết quả sai  - HS đọc số đo: 1m và 40cm  + CD và CR chưa cùng đơn vị đo  + Đổi 1m = 100cm  + Chu vi mặt bàn là:   1. 40) x 2 = 280 (cm)   - HS đọc bài toán  + Chiều dài 9m, chiều rộng 5m  + Cổng vào 2m  + Chiều dài hàng rào bằng chu vi của vườn rau  + Nếu không có cổng vào thì chiều dài của hàng rào bằng chu vi của vườn rau  + Lấy chu vi vườn rau trừ cổng vào  - HS làm bài vào vở  Bài giải:  Chu vi vườn rau là:  (9 + 5) x 2 = 28 (m)  Chiều dài hàng rào là:  28 – 2 = 26 (m)  Đáp số: 26m |
| **3. Vận dụng (2p)**  **-** GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức hái hoa,...sau bài học để học sinh được củng cố về cách tính chu vi hình chữ nhật, hình vuông  - Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + HS tham gia TC |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (Nếu có)**

**Bài 51: DIỆN TÍCH CỦA MỘT HÌNH. XĂNG-TI-MÉT VUÔNG (2 TIẾT)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Có biểu tượng về diện tích một hình

- Nhận biết được diện tchs của một hình thông qua các tính chất bao gồm: mối liên hệ so sánh giữa diện tích hai hình mà hình lớn chứa hình bé, mối liện hệ về diện tích hình lớn bằng tổng diện tích hai hình bé

- Tính được diện tích hình vẽ trên lưới kẻ ô vuông với đơn vị quy ước là ô vuông

**2. Năng lực:**

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. GV:** Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

**2. HS:** SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài 51: DIỆN TÍCH CỦA MỘT HÌNH. XĂNG-TI-MÉT VUÔNG (TIẾT 1)**  ***Thứ sáu, ngày 02/02/2024*** | |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động: (3p)**  - GV YC HS nối tiếp nhắc lại cách tính chu vi hình tam giác, hình tức giác, hình chữ nhật và hình vuông  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS nêu cách tính.  - Lớp nhận xét  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá (12p)**    - GV YC HS quan sát hình ảnh trong phần khám phá, thảo luận nhóm đôi và trả lời các câu hỏi:  ? Mai đang cầm gì trên tay?  ? Mai nói gì?  ? Theo em bạn Mai nói vậy đúng hay sai?  - Gv có thể dẫn dắt: Diện tích của một hình sẽ giúp chúng ta so sánh độ to nhỏ với các hình khác.  a/ - GV giới thiệu hình vẽ biển báo giao thông “cấm đi ngược chiều.    ? Đây là hình vẽ gì? Biển báo giao thông này có ý nghĩ gì? Trong biển báo có những hình gì? Hình nào to hơn? Tại sao em biết là to hơn?  - GV KL: Như vậy hình nào nằm bên trong thì bé hơn. Ta nói diện tích hình chữ nhật bé hơn diện tích hình tròn  + Hình nào nằm ngoài thì to hơn. Ta nói diện tích hình tròn lớn hơn diện tích hình chữ nhật  - GV lấy thêm một số VD để HS củng cố về diện tích hình lồng nhau vừa học  b/ - GV giới thiệu: Sau đây, chúng ta sẽ học một cách tính diện tích các hình vẽ trên giấy kẻ ô li    - Đối với hình vẽ trong SGK, Gv có thể tổ màu nhạt (có độ trong suốt) cho các hình A và B cho rõ  - GV YC HS đếm số ô vuông trong hình A và B và so sánh số ô vuông trong hai hình rồi rút ra kết luận  - GV nhận xét, tuyên dương  - GV KL: Diện tích hình A bằng diện tích Hình B  - GV lấy thêm một số ví dụ  c/ - GV giới thiệu hình E cắt ra được hai hình C và D    - GV YC HS đếm số ô vuông để tìm diện tích của hình E, C, D và TLCH:  ? Các em thấy mối liên hệ giữa diện tích ba hình này như thế nào?  - GV nhận xét và rút ra KL: Diện tích hình E bằng tổng diện tích hai hình C và D  - GV lấy thêm ví dụ để củng cố kiến thức cho HS | - HS thực hiện theo yêu cầu trong nhóm đôi  - HS lắng nghe  - HS lần lượt trả lời các câu hỏi mà GV YC.  - HS nêu nhận xét  - HS lắng nghe, nhắc lại  - HS thực hiện theo YC của Gv  - HS lắng nghe  - HS thực hiện đếm và so sánh  - HS nêu nhận xét về số ô vuông và kết luận  - HS lắng nghe, nhắc lại  - HS thực hiện theo YC  - HS lắng nghe  - HS thực hiện đếm số ô vuông.  - HS TL CH. HS khác nhận xét  - HS lắng nghe, nhắc lại |
| **3. Luyện tập, thực hành: (15p)**  **\* Hoạt động**  **Bài 1:**    - GV YC HS đọc đề bài  - YC HS quan sát hình rồi so sánh  - Gọi HS trả lời và giải thích vì sao  - GV nhận xét, tuyên dương  - Gv kết luận: Diện tích hình tam giác ABC bé hơn diện tích hình tam giác ADC  - GV có thể mở rộng bằng cách nối D với B, rồi YCHS SS diện tích hình tam giác ABD hoạc CDB với diện tích tam giác ADC  -> Bài tập củng cố cách so sánh diện tích giữa hai hình mà hình lớn chứa hình bé  **Bài 2:**    - GV YC HS đọc đề bài  - YC HS đếm số ô vuông ròi so sánh diện tích của hai con vật. Sau đó trao đổi trong nhóm đôi  - Gọi đại diện các nhóm trả lời  ? Để so sánh diện tích của hai con vật em đã làm như thế nào?  - Gv chốt lại đáp án đúng: Con voi có diện tích lớn hơn con cá voi  **Bài 3:**    - GV gọi HS đọc đề bài  **-** YC HS quan sát và TLCH:  ? Hai hình có gì đặc biệt?  ? Em có nhận xét gì về diện tích hai hình A và B?  - GV nhận xét và rút ra kết luận về diện tích của hai hình  - Mở rộng: GV YC HS thực hiện cắt hình vuông A thành 4 phần theo 2 đường chéo, sau đó ghép 4 phần này lại để được một hình chữ nhật (có chiều dài gấp đôi chiều rộng) | - So sánh diện tích hình tam giác ABC với diện tích hình tam giác ADC  - HS làm việc cá nhân  - HS trả lời: Diện tích hình tam giác ABC nhỏ hơn diện tích hình tam giác ABD vì hình tam giác ABC nằm bên trong hình tam giác ADB  - HS lắng nghe  - HS thực hiện YC  - Hình nào có diện tích lớn hơn  - HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi trong nhóm đôi  - Đại diện 2-3 nhóm trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung  + Đáp án: Con voi có diện tích lớn hơn con cá voi  - HS trả lời: để so sánh diện tích hai con vật em đếm số ô vuông của từng con rồi so sánh  - So sánh diện tích hình A với hình B  - HS quan sát và TLCH:  - Hình A cắt đôi theo đường chéo rồi ghép lại được hình B  - Diện tích của hai hình bằng nhau  - HS lắng nghe  - HS thực hiện |
| **4. Vận dụng (2p)**  - Hôm nay, em đã học những nội dung gì?  - GV tóm tắt nội dung chính.  - Sau khi học xong bài hôm nay, em có cảm nhận hay ý kiến gì không?  - GV tiếp nhận ý kiến.  - GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS. | - HS trả lời  - HS lắng nghe và nhắc lại  - HS nêu ý kiến |
| **TUẦN 22**  **Bài 51: DIỆN TÍCH CỦA MỘT HÌNH. XĂNG-TI-MÉT VUÔNG (TIẾT 2)**  ***Thứ hai, ngày 15/02/2024*** | |
| **Hoạt động của giáo viên** | Hoạt động của học sinh |
| **1. Khởi động (3 phút)**  **- GV YC HS so sánh diện tích của hai hình mà hình lớn chứa hình bé**  **- GV Nhận xét, tuyên dương.**  **- GV dẫn dắt vào bài mới**  **2. Khám phá (10 phút)**    **a/ GV nêu tình huống: Có hai bạn chim di và chào mào đang tranh cãi xem hình của ai lớn hơn. YC HS thảo luận nhóm đôi và trả lời các câu hỏi:**  **? Hình của bạn chim di có mấy ô vuông?**  **? Hình của bạn chào mào có mấy ô vuông?**  **? Theo em hình của bạn nào lớn hơn?**  **- Gv KL: Nếu chỉ nhìn bằng mắt thường chúng ta không thể biết được hình của bạn nào lớn hơn. Như vậy là chúng ta cần một đơn vị chung để so sánh diện tích hình của hai bạn. Đơn vị đó là xăng-ti-mét.**    **- GV giới thiệu về xăng-ti-mét: Gv chiếu ô vuông cạnh 1cm minh họa rồi giới thiệu (nêu lại những ý trong khung màu hồng của SGK)**  **b/ GV HD HS dùng đơn vị xăng-ti-mét vuông để tính diện tích các hình chữ nhật và hình vuông.**    **? Biết Môi ô vuông nhỏ có diện tích là 1 cm2. YC HS tính diện tích hình chữ nhật và hình vuông**  **- GV nhận xét, tuyên dương**  **- GV KL: Diện tích hình chữ nhật là 3 cm2, diện tích hình vuông là 4 cm2.**  **\* Hoạt động (10 phút)**  **Bài 1:**    **- GV YC HS đọc đề bài**  **- YC HS làm vở**  **- Gọi HS trả lời**  **- GV nhận xét, tuyên dương**  **- GV lấy thêm ví dụ về các số đo có cách đọc đặc biệt**  **Bài 2:**    **- GV YC HS đọc đề bài**  **- YC HS đếm số ô vuông ròi điền kết quả vào ô trống. Sau đó trao đổi trong nhóm đôi**  **- Gọi đại diện các nhóm trả lời**  **? Để điền được các số vào ô trống em đã làm như thế nào?**  **? Em hãy so sánh diện tích hình con sâu và hình con hươu?**  **- Gv chốt lại đáp án đúng**  **\* Luyện tập (10 phút)**  **Bài 1:**    **- GV YC HS đọc đề bài**  **- YC HS nghiên cứu mẫu trong nhóm đôi để tìm ra cách làm**  **- Gv có thể giải thích thêm: cô lấy hai hình chữ nhật (có chiều rộng 1 cm, chiều dài 2 cm) và (chiều rộng 1cm, chiều dài 3cm) với diện tích lần lượt là 2cm2 và 3 cm2 rồi ghép thành một hình chữ nhật có chiều rộng 1 cm, chiều dài 5 cm với diện tích 5cm2;....**  **- YC HS hoàn thành bài tập vào vở**  **- Gọi HS đọc bài làm**  **- Gv nhận xét, tuyên dương những bạn hoàn thành nhanh**  **Bài 2:**    **- GV YCHS đọc đề bài**  **- YC HS làm bài vào vở**  **- GV nhận xét, chữa bài giải đúng**  **4. Vận dụng (2 phút)**  **- Hôm nay, em đã học những nội dung gì?**  **- GV tóm tắt nội dung chính.**  **- Sau khi học xong bài hôm nay, em có cảm nhận hay ý kiến gì không?**  **- GV tiếp nhận ý kiến.**  **- GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.** | - HS quan sát và so sánh.  - Lớp nhận xét  - HS lắng nghe.  - HS thực hiện theo yêu cầu trong nhóm đôi.  - Đại diện các nhóm trả lời  + Hình của bạn chim di có 4 ô vuông  + Hình của bạn chào mào có 6 ô vuông  - HS có thể nêu nhiều ý kiến khác nhau  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe. 3,4 HS đọc lại. HS khác đọc thầm  - HS thực hiện theo YC của Gv  + Diện tích của hình vuông là 4cm2; diện tích của hình chữ nhật là 3cm2  - Hs lắng nghe  - Hoàn thành bảng sau theo mẫu  - HS làm việc cá nhân  - HS trả lời. HS khác nhận xét, bổ sung  + Hai trăm ba mươi tư xăng-ti-mét vuông: 234 cm2  + Một nghìn năm trăm xăng-ti-mét vuông: 1 500 cm2  + Mười nghìn xăng-ti-mét vuông: 10 000 cm2  - HS lắng nghe  - HS thực hiện theo YC  - 2 HS đọc YC  - HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi trong nhóm đôi  - Đại diện 2-3 nhóm trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung  a/ Dình con sâu gồm 4 ô vuông 1cm2  + Diện tích hình con sâu bằng 4 cm2  b/ Hình con hươu cao cổ gồm 9 ô vuông 1 cm2  + Diện tích hình con hươu cao cổ bằng 9 cm2  - Em đã đếm số ô vuông 1 cm2  - Diện tích hình con sâu bé hơn diện tích hình con hươu cao cổ  - Tính (theo mẫu)  - HS nghiên cứu mẫu và đưa ra cách làm. Nhận xét.  - HS lắng nghe và nhắc lại cách làm  - HS hoàn thành vào vở  a/ 37 cm2 + 25 cm2 = 62 cm2  50 cm2 – 12 cm2 = 38 cm2  b/ 15 cm2 x 4 = 60 cm2  56 cm2 : 7 = 8 cm2  - HS nối tiếp đọc bài làm. Nhận xét  - Hs đọc yc  - HS làm việc cá nhân, trao đổi chéo vở kiểm tra. Một HS lên bảng làm bài  Bài giải  Diện tích cánh diều màu đỏ hơn diện tích cánh diều màu vàng là:  900 – 880 = 20 (cm2)  Đáp số: 20cm2  - HS nhận xét  - HS trả lời  - HS lắng nghe và nhắc lại  - HS nêu ý kiến |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY (Nếu có)**